

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Ái Linh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI
VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÙNG CƯỜNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Ái Linh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh**

HẢI PHÒNG - 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Ái Linh Mã SV: 1312401177
Lớp: QT1701K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua,
người bán tại công ty TNHH vận tải và thương mại xuất
nhập khẩu Tùng Cường.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

✓ Tìm hiểu lý luận về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

✓ Tìm hiểu thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.

✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

✓ Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

✓ Quy chế, quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp

✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường, sử dụng số liệu năm 2018 phục vụ công tác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

✓ **Công ty TNHH Vận Tải và Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tùng Cường.**

Địa chỉ : 823 Nguyễn Bình Khiêm – Đông Hải 1 – Hải An – Hải Phòng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.....	3
1.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.....	3
1.2 Nội dung kế toán thanh toán với người mua.....	4
1.3 Nội dung kế toán thanh toán với người bán	9
1.4 Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	17
1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp. 20	
CHƯƠNG 2: GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ CÔNG TY.....	25
2.1 Giới thiệu khái quát về công ty	25
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty	25
2.1.2 Hoạt động của công ty.....	25
2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ và sản phẩm chính của của công ty.....	26
2.1.4 Kết quả chung hoạt động kinh doanh của công ty Tùng Cường.....	26
2.1.5 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty.....	27
2.1.6 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	27
2.1.7 Bộ máy kế toán của công ty	29
2.1.8 Mối quan hệ giữa phòng kế toán với các bộ phận quản lý khác	30
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.....	34
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÙNG CƯỜNG ...	68
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.....	68
3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.	70
3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.....	70
3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường	71
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

LỜI MỞ ĐẦU

Đối với các doanh nghiệp, việc tổ chức kế toán một cách hợp lý có vai trò hết sức quan trọng. Tổ chức công tác kế toán tốt là điều kiện để phát huy đầy đủ các chức năng nghiệp vụ của kế toán đồng thời giảm chi phí tới mức thấp nhất.

Và bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế trong đó có các vấn đề liên quan tới thanh toán như: thanh toán với Nhà nước, với nhân viên, thanh toán nội bộ, thanh toán với người mua, nhà cung cấp,... Tuy nhiên, chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người bán hàng.

Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua hàng và người bán gắn liền với quá trình thu mua và bán ra sản phẩm, hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán lại thường xuyên biến đổi.

Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,.. nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của Doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Trước những thay đổi liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua và người bán, ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp, yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng cao hơn. Kế toán không chỉ có nhiệm vụ ghi chép mà còn phải chịu trách nhiệm thu hồi nhanh các khoản nợ, tìm nguồn huy động vốn để trả nợ, biết lường trước và giới hạn rủi ro trong thanh toán... Trong quá trình hoàn thiện để có thể thích nghi với những thay đổi đó, kế toán chịu trách nhiệm sẽ gặp phải không ít khó khăn, đây là điều không thể tránh khỏi.

Quá trình tìm hiểu về mặt lý luận tại trường cũng như học thực tế trong quá trình giúp đỡ, chỉ bảo của **Ths. Phạm Thị Kim Oanh** em đã nhìn nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa nêu trên nên đã mạnh dạn đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH vận tải và thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường**” làm đề tài khóa luận.

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương:

CHƯƠNG 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH vận tải và thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.

CHƯƠNG 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH vận tải và thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Thanh toán là thuật ngữ ngắn gọn mô tả việc chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên sang cho một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm, dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Phương thức thanh toán: Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc ... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, Doanh nghiệp với nhau. Hai bên phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Có hai phương thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- **Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:** Là hình thức bán hàng thu tiền ngay, bên mua sẽ xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư, hàng hóa. Phương thức này thường được áp dụng đối với những giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ, nghiệp vụ đơn giản, khoảng cách giữa hai bên hẹp.

- **Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt:** Thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán.

Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là phương thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như giấy nhờ thu, giấy ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của đơn vị này sang tài khoản của đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ.

Trong tương lai, theo đà phát triển của xã hội và theo nhu cầu của thị trường, thanh toán không dùng tiền mặt sẽ giữ một vị trí cực kỳ quan trọng trong việc lưu chuyển tiền tệ và trong thanh toán giá trị của nền kinh tế.

- *Phương thức thanh toán ủy nhiệm chi*: là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

- *Phương thức nhờ thu phiếu trơn*: là phương thức nhờ thu trong đó người xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền từ người nhập khẩu căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra còn chứng từ hàng hóa thì gửi thẳng cho người nhập khẩu, không gửi cho ngân hàng. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

- *Phương thức nhờ thu kèm chứng từ*: là phương thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

- *Phương thức tín dụng chứng từ*: là phương thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng - Letter of Credit) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng.

1.2 Nội dung kế toán thanh toán với người mua.

1.2.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay

không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với Doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ trả tiền ngay.

- Đối với các khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

- Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

- Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Cần phải phân loại các khoản phải thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng nhất là những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.

- Tuyệt đối không được bù trừ các khoản phải thu và ứng trước với nhau để xác định công nợ phải thu mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.2.2 Chứng từ, tài khoản sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua.

a) Chứng từ sử dụng

Trong quá trình bán hàng và thanh toán công ty sử dụng các chứng từ sau:

- *Hợp đồng kinh tế*: Hợp đồng kinh tế có bản chất chung của hợp đồng, nó là sự thỏa thuận nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trong quan hệ mua bán. Hợp đồng quy định rõ số lượng, chủng loại, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán và các vấn đề khác có liên quan.

- *Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT theo mẫu của bộ tài chính ban hành)* hóa đơn được lập thành 03 liên: liên 1 lưu tại cuống, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 chuyển lưu để làm chứng từ căn cứ ghi sổ

- *Phiếu xuất kho*: Được lập thành 03 liên có chữ ký của người có nhu cầu và phụ trách bán hàng ký. Người có nhu cầu cầm phiếu xuống kho nhận hàng hóa, thủ kho ghi lại số lượng vào cột thực xuất, kế toán dựa vào phiếu xuất kho để căn cứ ghi sổ.

- *Phiếu thu*: là chứng từ thu tiền mặt khi phát sinh một nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tiền mặt. Phiếu thu cũng là một dạng hóa đơn thể hiện một quá trình giao dịch đã hoàn thành đối với khoản tiền đó. Cũng có thể hiểu phiếu thu như là một chứng từ hợp pháp được dùng để ký nhận là có thanh toán cho bên nhà cung cấp. Vì vậy phiếu thu chỉ là thể hiện quá trình giao dịch tiền mặt, sau đó phải có hoá đơn tài chính kèm theo. Phiếu thu được lập thành 03 liên: một liên giao cho người nộp tiền, một liên lưu tại công, liên còn lại thủ quỹ giữ để ghi sổ quỹ sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

- *Giấy báo có (giấy chuyển khoản)*: là một loại chứng từ của ngân hàng, thông báo cho chủ tài khoản rằng đã có thêm một khoản tiền vào trong tài khoản của chủ tài khoản.

b) Tài khoản sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

+ Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

+ Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng;

- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại;
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT);
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

+ Số dư bên Nợ:

Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

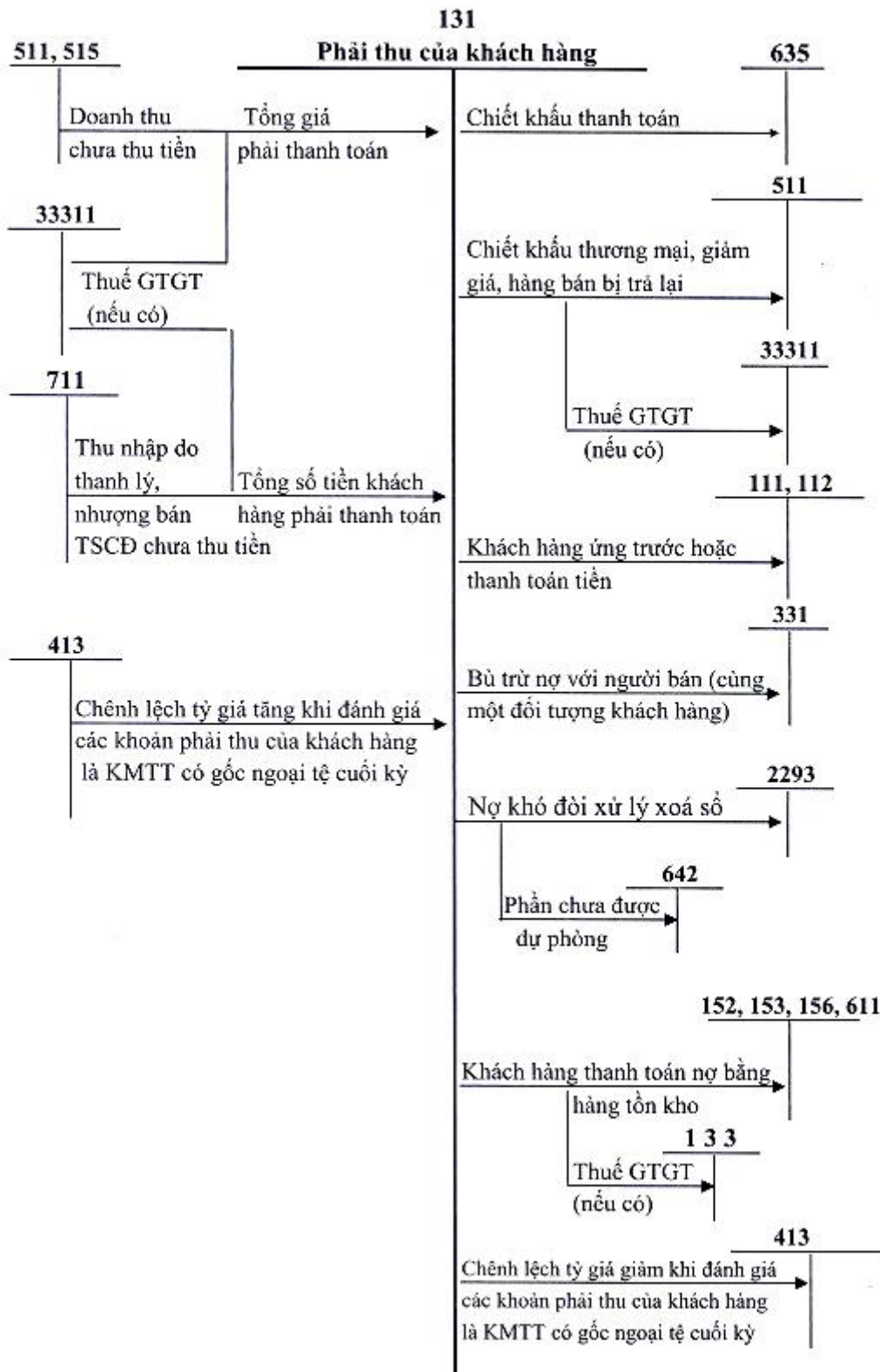
c) Sổ sách sử dụng

- Sổ cái tài khoản 131, sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng...

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 ta có sơ đồ TK 131 phải thu khách hàng như sau:

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



1.3 Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Khoản phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của Doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người bán kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả nhà cung cấp theo từng đối tượng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đơn đốc việc thu hồi nợ.
- Đối với các nhà cung cấp giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.
- Đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.
- Đối với các khoản phải trả phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.
- Cần phải phân loại các khoản phải trả khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng để có kế hoạch thanh toán phù hợp.
- Tuyệt đối không được bù trừ số tiền phải trả với số tiền ứng trước cho người bán để xác định số nợ phải trả mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

***Chứng từ sử dụng:**

Các chứng từ về mua hàng gồm: Hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng

(hoặc hóa đơn GTGT) do người bán lập; biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa; phiếu nhập kho, biên bản giao nhận TSCĐ,...

Chứng từ ứng trước tiền: Phiếu thu (do người bán lập).

Các chứng từ thanh toán tiền hàng mua: Phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi, séc,

*** Tài khoản và sổ sách sử dụng**

➤ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán

Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

+ Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

+ Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức;
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá

ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

+ **Số dư bên Có:** Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chi tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán;
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán; Sổ cái các tài khoản 331, 111, 112,...

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

a) Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

- Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi

Nợ các TK 152, 153, 153, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

+ Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp nhập khẩu, ghi:

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 153, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

✦ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

b) Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Trường hợp mua trong nội địa:

✦ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

✦ Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp nhập khẩu, ghi:

✦ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

✦ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

c) Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XD CB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XD CB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

d) Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

e) Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

f) Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 153 - Hàng hóa (1532)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

g) Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do

thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

h) Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 153, 611,...

i) Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

j) Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

k) Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.

- Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (giá giao bán đại lý + thuế).

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bán trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

- Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112,...

l) Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu:

- Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

- Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.

- Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

- Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 211,...

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết từng đơn vị nhận uỷ thác).

- Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 - Thuế và khoản phải nộp Nhà nước.

- Đơn vị nhận uỷ thác không sử dụng tài khoản này để phản ánh các nghiệp vụ thanh toán uỷ thác mà phản ánh qua các TK 138 và 338.



Ketoanhanoi.vn

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

111, 112, 341	331 Phải trả cho người bán	151, 152, 153, 156, 611,..
Ứng trước tiền cho người bán	Mua vật tư, hàng hóa nhập kho	
Thanh toán các khoản phải trả	133	
515	Chiếu khấu thanh toán	Thuế GTGT
		211
	Mua TSCĐ	
152, 153, 156, 211, 611,..	Giảm giá, hàng mua trả lại, chiết khấu thương mại được hưởng	152, 153, 157, 211
	Giá trị của hàng nhập khẩu	
133	333	Thuế NK, TTĐB BVMT (nếu có)
Thuế GTGT (nếu có)		133
711	Thuế GTGT đầu vào (nếu có)	
Trường hợp khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ		154, 241, 242 642, 635, 811
511	Hoa hồng đại lý được hưởng	
	3331	Thuế GTGT (nếu có)
		151, 152, 156, 211
	Nhận dịch vụ cung cấp	
111, 112	Phi ủy thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận ủy thác	
Trả trước tiền ủy thác mua hàng cho đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu		133
	Thuế GTGT (nếu có)	
Trả tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan đến hàng nhập khẩu cho đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu		632
	Nhà thầu chính xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ	
413	Chênh lệch tỷ giá giảm khi cuối kỳ đánh giá các khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ	413
	Chênh lệch tỷ giá tăng khi cuối kỳ đánh giá các khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ	

1.4 Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

a) Tỷ giá và quy định về sử dụng tỷ giá trong kế toán

Tỷ giá hối đoái giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào: Tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản.
- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.

b) Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

✓ Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131 (Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế)

Có TK 511 (Tỷ giá thực tế)

Có TK 3331 (Tỷ giá thực tế)

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111(1112),112(1122) - Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗi tỷ giá hối đoái)

Có TK 131- Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 111(1112),112(1122) - Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 131 - Tỷ giá ghi sổ kế toán

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

✓ **Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ**

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 153, 211 - tỷ giá thực tế

Nợ TK 133 - VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 - phải trả cho người bán (tỷ giá ghi sổ kế toán)

- Khi thanh toán:

Nợ TK 331 - tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 - nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK111, 112... - số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

Nợ TK 331 - tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 111,112... - số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế .

Có TK 515 - nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt

Nam), ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt

Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 – Phải trả người bán.

✓ **Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ**

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 153, 211 - tỷ giá thực tế

Nợ TK 133 - VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 - phải trả cho người bán (tỷ giá ghi sổ kế toán)

- Khi thanh toán:

Nợ TK 331 - tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 - nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK111, 112... - số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

Nợ TK 331 - tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 111,112... - số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế .

Có TK 515 - nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt

Nam), ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt

Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 – Phải trả người bán.

1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo hướng dẫn tại phụ lục số 4 theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính. Theo phụ lục doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 4 hình thức sau:

- *Hình thức kế toán Nhật ký chung.*
- *Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.*
- *Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.*
- *Hình thức kế toán trên máy vi tính*

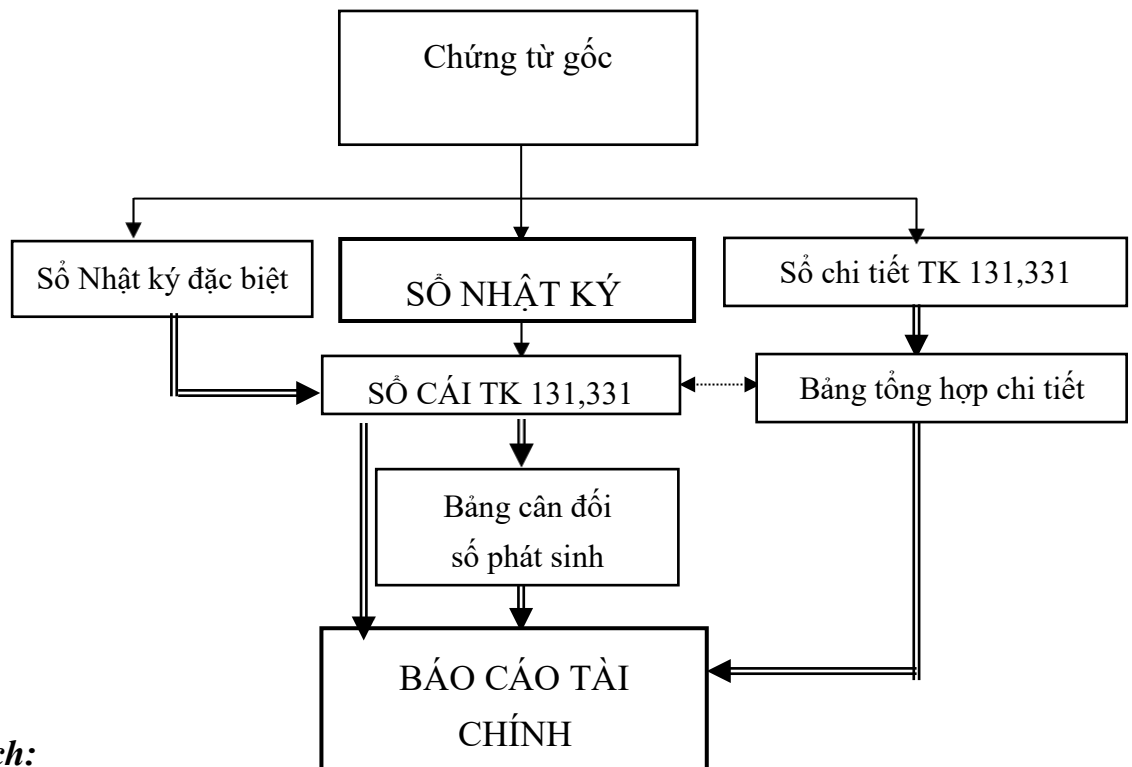
1.5.1. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

1.5.2. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

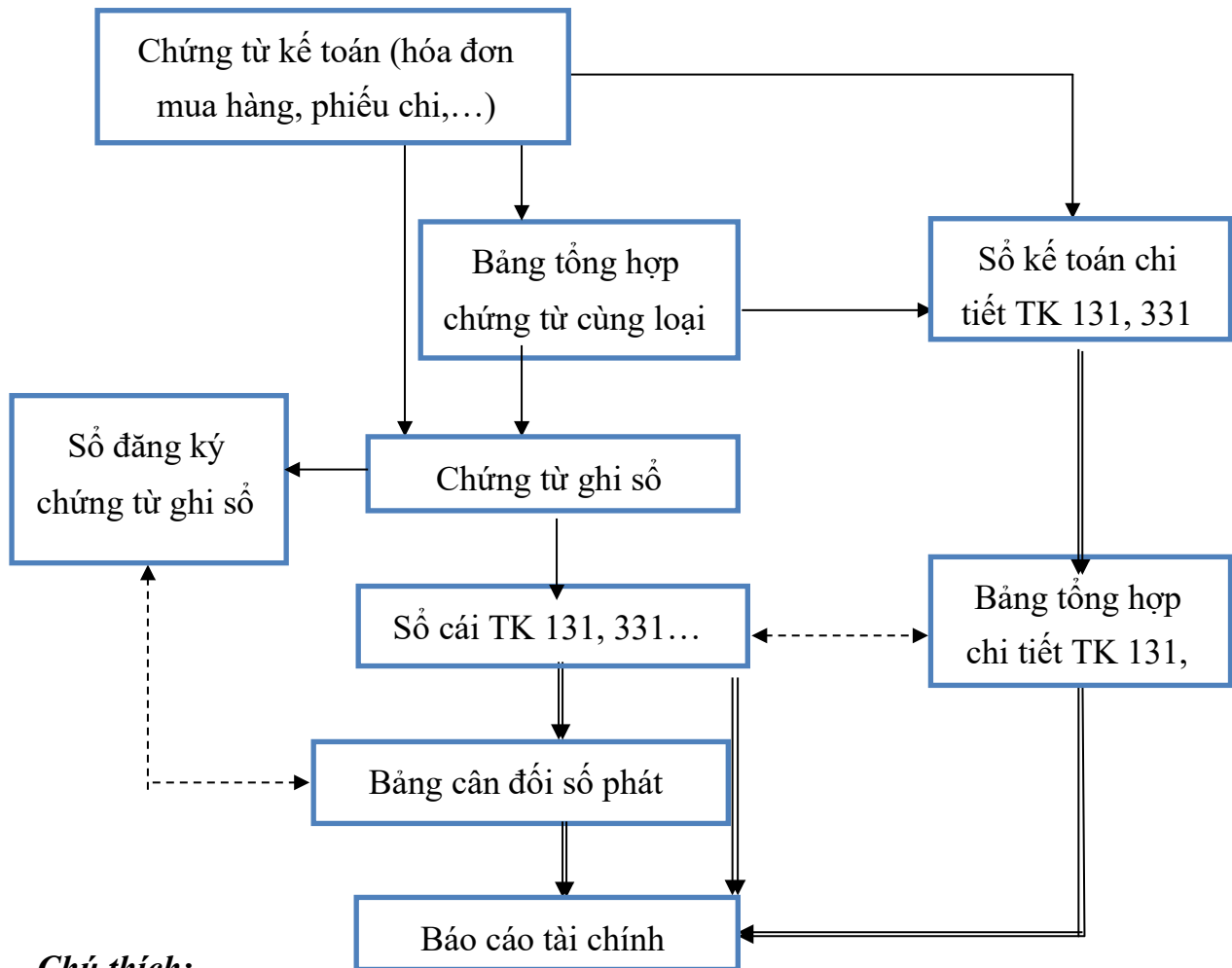
Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

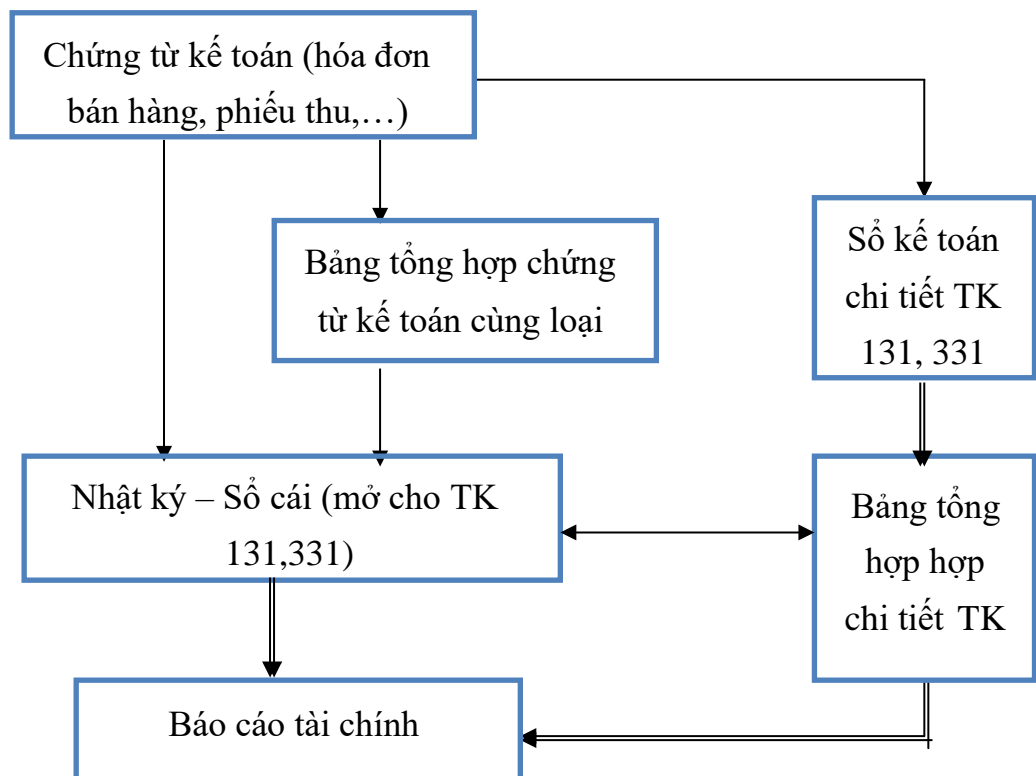
Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

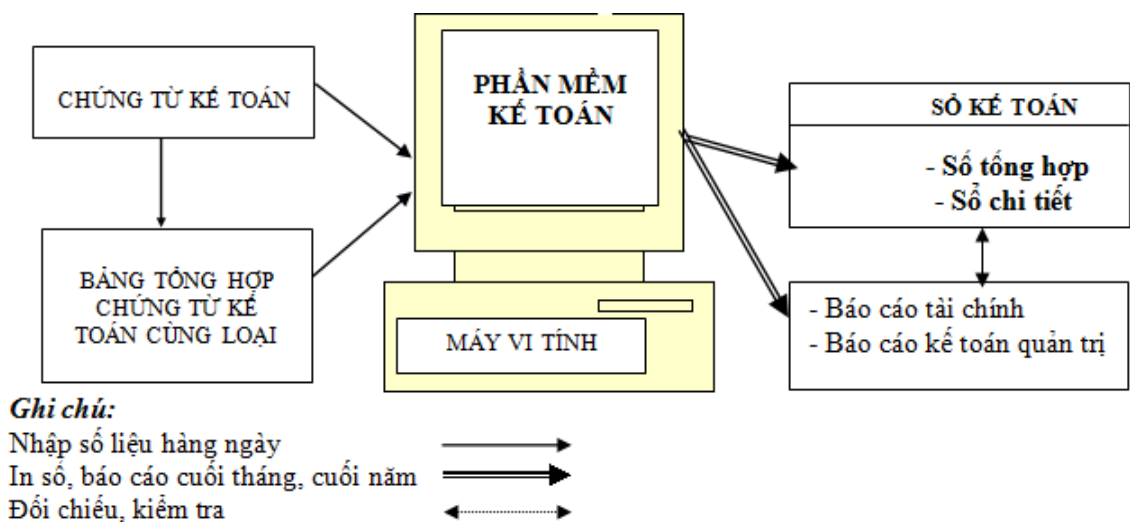
1.5.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy tính.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2: GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ CÔNG TY

2.1 Giới thiệu khái quát về công ty

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

- Tên công ty: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường (TUNG CUONG TTEI.,LTD).
- Trụ sở đăng ký: Số 823 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Hải Phòng.
- Ngày hoạt động: 15/01/2010.
- Giấy phép kinh doanh: 0201027019 ngày 30/12/2009 do Sở đầu tư và kế hoạch thành phố Hải Phòng cấp.
- Công ty là một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân hoạt động kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, các qui định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của Công ty.
- Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 2.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

2.1.2 Hoạt động của công ty

- Vận tải và hàng hóa đường bộ
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Bóc xếp hàng hóa
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Buôn bán đồ dùng khác chop gia đình.
- Chuẩn bị mặt hàng.
- Cung ứng quản lý lao động.
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt.
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại.
- Buôn bán thực phẩm.
- Cho thuê máy móc thiết bị đồ dùng hữu hình khác.
- Chuyển phát.
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hóa thủy nội địa.
- Buôn bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp.
- Vệ sinh chung nhà cửa.

2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ và sản phẩm chính của công ty

- Sản phẩm chính của công ty:

- + Tổ chức thực hiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa đến các cảng trong nước.
- + Kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa.
- + Vận chuyển hàng nội địa bằng đường biển, hàng không đến mọi địa điểm trong nước.
- + Giao dịch với các cơ quan nhà nước như Hải quan, Thuế, Ngân hàng... để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh XNK và đăng kí nộp thuế, vay vốn.

- Nhiệm vụ của công ty:

- + Xây dựng các phương án kinh doanh, phát triển theo kế hoạch và mục tiêu chiến lược của công ty, kinh doanh mặt hàng đã đăng kí.
- + Thực hiện các nghĩa vụ của Nhà nước giao, phục vụ thỏa mãn nhu cầu của các bạn hàng, đối tác kinh doanh.
- + Công ty luôn luôn chú trọng việc bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp, tổ chức quản lý tốt lao động trong doanh nghiệp.
- + Thực hiện việc chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất tinh thần, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kĩ thuật, chuyên môn cho công nhân viên trong công ty.

2.1.4 Kết quả chung hoạt động kinh doanh của công ty Tùng Cường

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018-2018

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	2018	2018
1	Doanh thu bán hàng	6.796.418.663	9.210.693.725
2	Giá vốn hàng bán	6.157.607.236	8.200.970.563
3	Lợi nhuận gộp	628.812.427	2.009.723.162
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.367.830	2.294.918
5	Chi phí tài chính	45.676.183	110.185.821
6	Chi phí quản lý kinh doanh	397.992.244	807.874.055
7	Lợi nhuận thuần	196.512.840	92.968.204
8	Lợi nhuận khác	(130.437.728)	(18.642.500)
9	Lợi nhuận trước thuế	66.074.112	74.325.701
10	Lợi nhuận sau thuế	52.859.290	59.460.563

Nhận xét: Kết quả kinh doanh của công ty trong 2 năm có sự tăng trưởng, cụ thể:

- Doanh thu bán hàng từ 2018-2018 từ: 6.796.418.663 VNĐ đến 9.210.693.725 VNĐ.
Tăng mạnh so với 2018 là 2.414.275.062 VNĐ.

- Lợi nhuận sau thuế của công ty từ 2018-2018 từ: 52.859.290 VNĐ đến 59.460.563 VNĐ. Sự tăng trưởng ấy một phần nhờ vào sự đóng góp, cố gắng của các phòng ban lãnh đạo trong công ty và công nhân viên lao động trong công ty.

2.1.5 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty

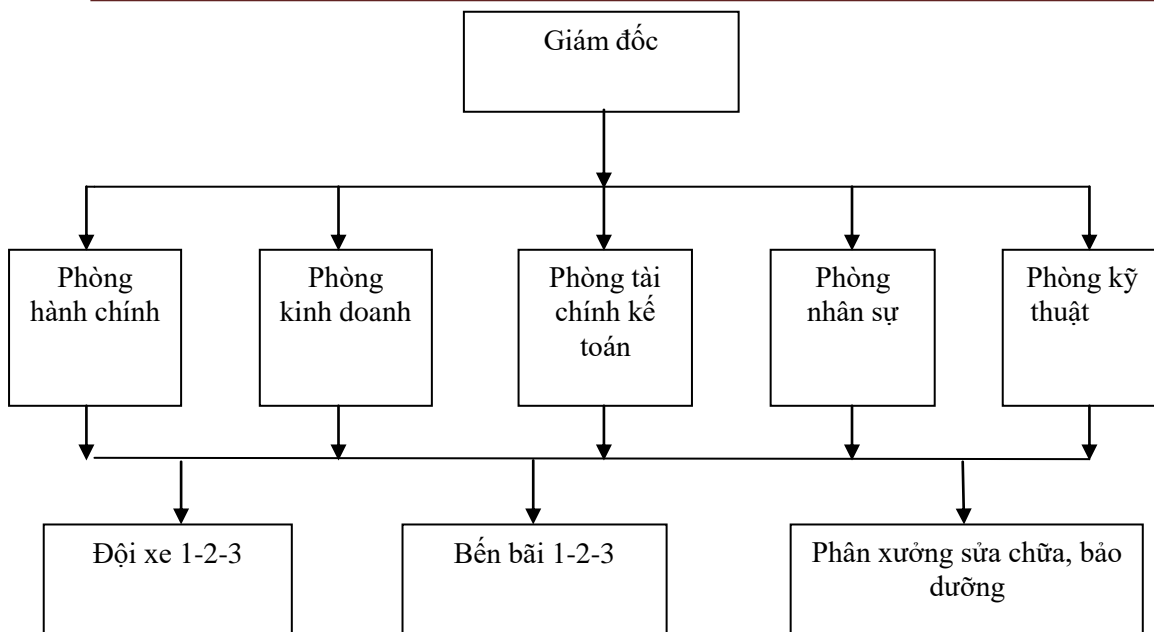
-Thuận lợi:

- +Công ty có một đội ngũ cán bộ công nhân viên tận tụy, có trình độ chuyên môn cao. Đội ngũ lái xe lành nghề và bề dày kinh nghiệm
- +Công ty có một bộ máy quản lý kiện toàn và nhạy bén trong công việc.
- +Văn phòng được trang bị đầy đủ máy tính và các phương tiện thông tin liên lạc, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác và công việc của nhân viên và cho hoạt động kinh doanh phát triển của công ty.
- +Các phương tiện vận tải của công ty luôn được bảo dưỡng và kiểm tra định kì đảm bảo hoạt động tốt trong mỗi chuyến đi.
- +Năng lực về tài chính lành mạnh, có khả năng ứng vốn cho nhiều công trình.

-Khó khăn:

- +Hạn chế về thị trường dẫn đến tình trạng hàng hóa giảm, thu nhập doanh nghiệp giảm.
- +Đối mặt với các đối thủ cạnh tranh là các doanh nghiệp vận tải thương mại trên địa bàn Hải Phòng, công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm bạn hàng khách hàng và các đối tác mới.
- +Sự phát triển của các hệ thống giao thông không đáp ứng kịp tốc độ phát triển kinh tế xã hội. Vấn đề kẹt xe, kẹt cảng khiến doanh nghiệp trở nên áp lực để giao hàng đúng thời gian và đảm bảo đủ hàng.
- +Sự biến động về thời tiết như: bão lũ, lũ lụt... gây cản trở cho vấn đề thi công và san lấp các công trình, công trường.
- +Tình trạng xăng dầu, phí đường bộ, cảng biển... thường xuyên biến động và luôn có chiều hướng tăng nhanhgaay khó khăn về vấn đề tài chính của doanh nghiệp

2.1.6 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.



Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

-*Ban giám đốc*: là người đại diện pháp luật của công ty, là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của công ty, cụ thể:

- Điều hành, quyết định và chịu trách nhiệm về các mặt hoạt động của công ty.
- Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác của công ty theo quy định của pháp luật.
- Trực tiếp kí các hợp đồng kinh tế.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty.

-*Phòng hành chính*: quản lý thủ tục hành chính, chế độ chính sách của Công ty, cung cấp thông tin về nhân viên cho giám đốc đồng thời đưa ra quy định thủ tục hành chính hợp lý để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả nhất.

-*Phòng kinh doanh*: có chức năng nghiên cứu lập kế hoạch kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa dịch vụ đồng thời lập kế hoạch sản xuất, thực hiện các chính sách của Công ty trong quan hệ với bạn hàng.

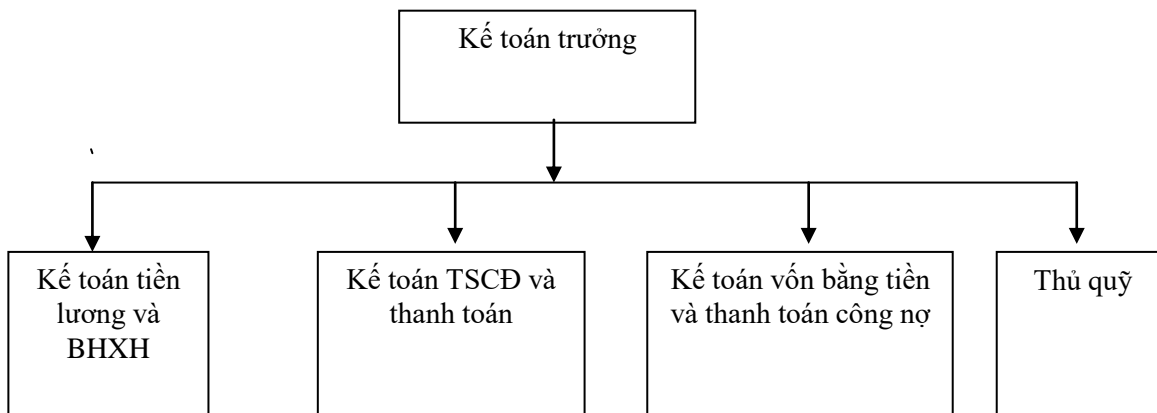
-*Phòng tài chính kế toán*: tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của đơn vị quản lý vốn, tài sản cố định, vật tư, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong từng thời kì, đề xuất cho giám đốc các phương án tổ chức kế toán hợp lý phù hợp với công ty, lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo đúng mẫu và thời gian quy định.

-*Phòng nhân sự*: có nhiệm vụ quản lý lao động, tình hình tuyển dụng lao động, khen thưởng, tăng lương trả thưởng cho cán bộ công nhân viên, thường xuyên

báo cáo lên giám đốc tình hình lao động, đề xuất các biện pháp tiết kiệm lao động, tác động qua lại với các phòng ban.

-*Phòng kỹ thuật*: quản lý sử dụng, sửa chữa, mua sắm thiết bị, máy móc, xe phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Xây dựng phương án kỹ thuật cho các dự án các loại phương tiện xe tải đảm bảo tiến độ, an toàn chất lượng khối lượng cho các mặt hàng.

2.1.7 Bộ máy kế toán của công ty



Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận kế toán:

-**Kế toán trưởng**: là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty.

+**Nhiệm vụ của kế toán trưởng**: tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, hợp lý phù hợp với quy mô phát triển của công ty và theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+**Phân công lao động kế toán hợp lý**, hướng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng kế toán, từng nhân viên kế toán phát huy được khả năng chuyên môn, tạo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán có liên quan, góp phần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của kế toán cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ cho việc chỉ đạo việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+**Tổ chức kiểm kê định kỳ tài sản, vật tư tiền vốn**, xác định giá trị tài sản theo mặt bằng thị trường.

+**Chịu trách nhiệm lập và nộp đúng hạn báo cáo quyết toán thống kê** với chất lượng cao. Tổ chức bảo quản giữ tài liệu chứng từ, giữ bí mật các số liệu thuộc quy định của Nhà nước.

-**Kế toán tiền lương và BHXH**: có nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức kiểm tra, tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty, giúp kế toán trưởng tổ chức bảo quản

lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán. Tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán còn lại như: nguồn vốn kinh doanh, các quỹ doanh nghiệp. Mặt khác kế toán tổng hợp còn kiêm luôn nhiệm vụ kế toán tiền lương và BHXH.

-Kế toán TSCĐ và thanh toán: có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng xe vận tải và các TSCĐ khác của công ty, tính khấu hao, theo dõi sửa chữa, thanh lý nhượng bán xe tải và các TSCĐ khác...và nhiệm vụ thanh toán công nợ, thanh toán với Nhà nước.

-Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán công nợ: theo dõi và hạch toán kế toán vốn bằng tiền, TSCĐ, tài sản lưu động, nguồn vốn và các quỹ xí nghiệp, theo dõi chi phí và các khoản công nợ nội bộ, thanh toán với ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận.

-Thủ quỹ: có nhiệm vụ chủ yếu sau:

+Bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt.

+Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong két phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ. Thủ quỹ phải có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý tiền mặt.

+Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt ở tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.8 Mối quan hệ giữa phòng kế toán với các bộ phận quản lý khác

Kế toán là bộ phận cung cấp thông tin về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của đơn vị. Trong các doanh nghiệp, kế toán không những là bộ phận cần thiết cho người ra quyết định quản lý ở bên trong doanh nghiệp, mà còn cung cấp thông tin cần thiết khác cho các đối tượng khác ngoài doanh nghiệp. Kế toán có mối quan hệ mật thiết với các bộ phận khác, nó góp phần không thể thiếu vào ba mục tiêu sau:

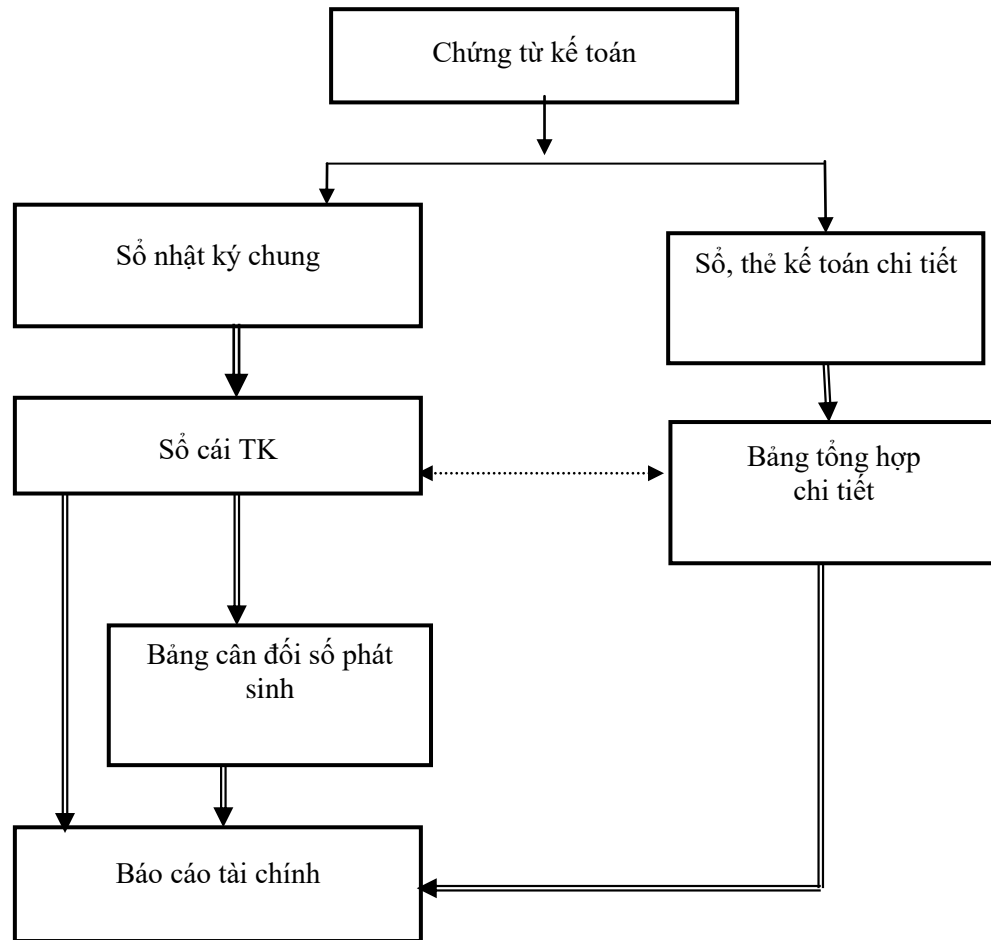
- Cung cấp các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
- Hoạch định các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn của đơn vị.
- Kiểm soát kết quả hoạt động của đơn vị.

a. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán, sổ kế toán

Hiện nay công ty áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 hướng dẫn chế độ kế toán dùng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tổ chức hình thức tổ chức sổ kế toán là nghiên cứu, vận dụng phương pháp và cách thức ghi sổ vào thực tế công tác kế toán tại đơn vị. Tại công ty kế toán vận dụng ghi sổ theo hình thức nhật ký chung

Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu \longleftrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

b. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

c. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

1, Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 và các thông tư sửa đổi bổ sung kèm theo.

Công ty áp dụng hình thức kế toán sổ nhật ký chung.

2, Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

Ban Giám đốc bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được duy trì để thể hiện tình hình tài chính của công ty với chế độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm để giúp cho các báo cáo tài chính được lập phù hợp với chế độ kế toán hiện hành tại Việt Nam.

3, Các chính sách kế toán áp dụng.

-Nguyên tắc xác định khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư thời hạn có thu hồi hoặc tháo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư tại ngày công ty lập báo cáo.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được nêu trong Điểm 2, mục II của Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:
 - Nguyên tắc ghi nhận: việc ghi nhận công nợ phải thu trên cơ sở hóa đơn GTGT đã xuất cho khách hàng.
 - Lập dự phòng phải thu khó đòi: công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
- Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

Tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường áp dụng phương thức thanh toán trả ngay và chậm trả.

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, Doanh nghiệp thương mại thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản ...

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

Cụ thể:

- Đối với người mua: Với những khách hàng là cá nhân mua hàng với số lượng ít và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty, công ty sẽ áp dụng phương thức thanh toán ngay. Đối với khách hàng mua hàng thường xuyên với số lượng lớn công ty thường áp dụng phương thức chậm trả.

- Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ, lẻ. còn với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng nhiều công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy vào thỏa thuận giữa hai bên.

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường áp dụng 2 hình thức thanh toán là bằng tiền mặt và chuyển khoản.

- Các khoản thanh toán với người mua: Doanh nghiệp có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên không căn cứ vào giá trị hợp đồng.

- Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị hợp đồng từ 20.000.000 đồng trở lên thì doanh nghiệp bắt buộc phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20.000.000 đồng doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tùy theo thỏa thuận giữa hai bên.

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

a, Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng:

- *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Hợp đồng mua bán hàng hóa
- + Giấy báo có
- + Phiếu thu
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ khác có liên quan

- *Tài khoản sử dụng:*

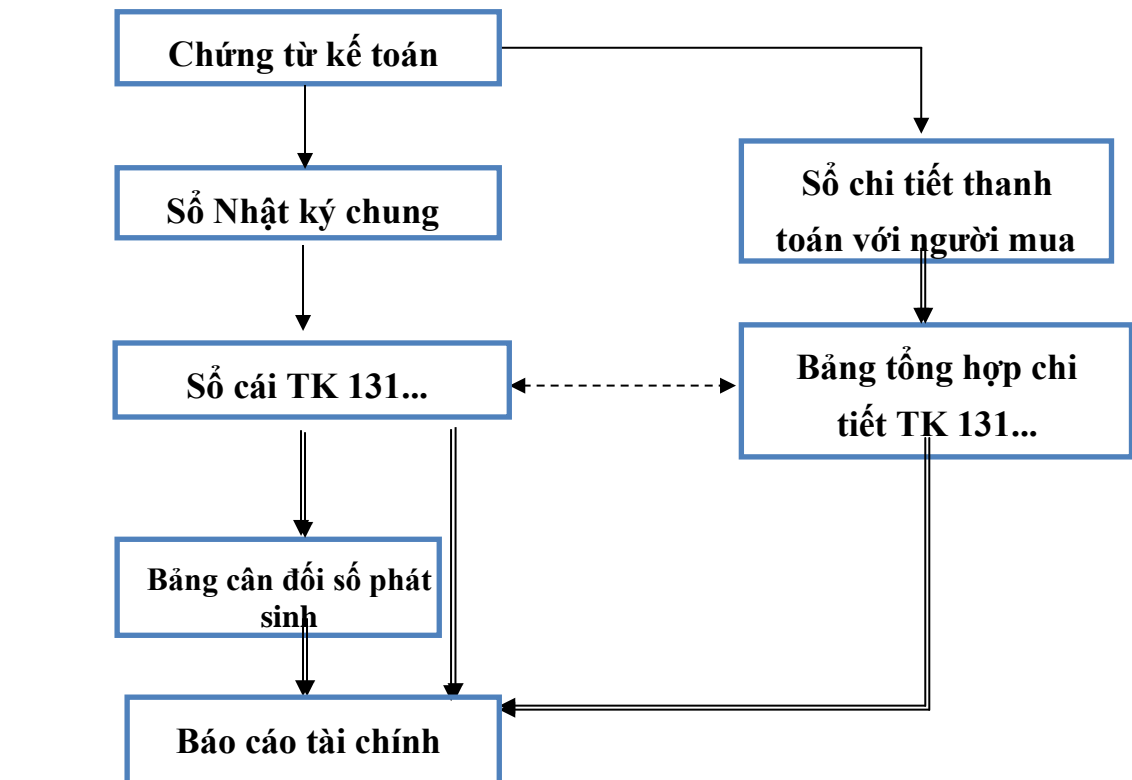
TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng.

- *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan

b, Quy trình hạch toán



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi định kỳ
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra, ghi chép vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,... đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản nợ phải thu cho từng khách hàng.

- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng sẽ được dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 01/08/2018, Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA ứng trước tiền cho công ty theo HĐKT 392 ngày 28/7/2018, số tiền: 180.000.000đ, bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký

chung để ghi vào sổ cái TK 131, TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

Biểu số 2.1: Giấy báo có ngân hàng



Số: 202

GIẤY BÁO CÓ

Mã GDV: NGADTQT

Ngày: 01/08/2018

Mã KH: 5942534

Kính gửi: **Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường**

Mã số thuế: **0201027019**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: **102010000965918**

Số tiền bằng số: **180.000.000**

Số tiền bằng chữ: **Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn./**

Nội dung: **## Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA ứng tiền ##**

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 2: Ngày 05/12/2018, theo hóa đơn GTGT số 0000412 Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 154/HĐKT ICCA-VP cho Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA ngày 28/7/2018 số tiền 792.169.660 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn số 0000412 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 và sổ chi tiết các tài khoản có liên quan. Kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng vào cuối kỳ.

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/18P		
Ngày 05 tháng 12 năm 2018			Số: 0000412		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÙNG CƯỜNG					
Mã số thuế: 0201027019					
Địa chỉ: Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP Điện thoại: 0255-529-955					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA					
Mã số thuế: 0 2 0 0 9 5 0 7 5 3					
Địa chỉ: số 126 Nguyễn Bình Khiêm, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 154/HĐKT ICCA-VP cho Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA				720.154.236
Cộng tiền hàng					720.154.236
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			72.015.424
Tổng cộng tiền thanh toán					792.169.660
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm mười lăm triệu, sáu trăm bốn bảy nghìn, không trăm lẻ hai đồng.</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Ví dụ 3: Ngày 16/05/2018, Công ty cổ phần thương mại Bình Minh thanh toán tiền nợ cho công ty bằng chuyển khoản, số tiền: 140.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho công ty Công ty cổ phần thương mại Bình Minh, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131, TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

Biểu số 2.3: Giấy báo có ngân hàng

Số: 192	
GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: NGADTQT
Ngày: 16/05/2018	Mã KH: 5942534
Kính gửi: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường	
Mã số thuế: 0201027019	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi CÓ: 102010000965918	
Số tiền bằng số: 140.000.000	
Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn./	
Nội dung: ##Công ty cổ phần thương mại Bình Minh thanh toán tiền nợ ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

Ví dụ 5: Ngày 25/12/2018 công ty thanh toán theo HĐ0000466 Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 182/HĐKT TC-BM cho công ty Bình Minh số tiền 184.358.079

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000466 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung; đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 và sổ chi tiết có liên quan. Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131, TK 511, TK 333.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

Biểu số 2.5: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/18P		
Ngày 25 tháng 12 năm 2018			Số: 0000466		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÙNG CƯỜNG					
Mã số thuế: 0201027019					
Địa chỉ: Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP					
Điện thoại: 0255-529-955					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Bình Minh					
Mã số thuế: 0 2 0 0 5 5 0 0 3 3					
Địa chỉ: Số 412 Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 182/HĐKT TC-BM				167.598.254
Cộng tiền hàng					167.598.254
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT		16.759.825	
Tổng cộng tiền thanh toán					184.358.079
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm tám mươi tư triệu ba trăm năm tám nghìn không trăm bảy chín đồng.</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU TÙNG CƯỜNG**

Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
			...			
16/05/18	GBC 192	16/05/18	Công ty cổ phần thương mại Bình Minh thanh toán tiền	112	131	140.000.000
			...			
01/08/18	GBC 202	01/08/18	Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA ứng tiền	112	131	180.000.000
			...			
05/08/18	GBC 209	05/08/18	Công ty cổ phần thương mại Bình Minh Ứng tiền	112	131	72.000.000
			...			
05/12/18	HD 412	05/12/18	Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 154/HĐKT ICCA-VP cho Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA	131 131	511 333	720.154.236 72.015.424
			...			
09/12/18	HD 449	09/12/18	Vận chuyển cho Công ty cổ phần thương mại Hoàng Vân	131 131	511 333	77.524.440 7.752.444
			...			
25/12/18	HD 466	25/12/18	Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 182/HĐKT TC-BM cho Công ty cổ phần thương mại Bình Minh	131 131	511 333	167.598.254 16.759.825
...
			Cộng phát sinh năm			123.596.569.236

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7 : Trích sổ cái tài khoản 131

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập
khẩu Tùng Cường
Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8
năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng - Số hiệu: 131
Năm 2018

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>1.281.234.621</u>	
			...			
16/05/18	GBC 192	16/05/18	Công ty cổ phần thương mại Bình Minh thanh toán tiền	112		140.000.000
			...			
01/08/18	GBC 202	01/08/18	Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA ứng tiền	112		180.000.000
			...			
			...			
05/12/18	HD 412	05/12/18	Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 154/HĐKT ICCA-VP cho Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA	511 333	720.154.236 72.015.424	
25/12/18	HD 466	25/12/18	Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 182/HĐKT TC-BM cho Công ty cổ phần thương mại Bình Minh	511 333	167.598.254 16.759.825	
			...			
			Cộng phát sinh năm		<u>21.557.824.310</u>	<u>20.561.992.642</u>
			Số dư cuối năm		<u>2.277.066.289</u>	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

Mẫu số S13 - DN

Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng : Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>0</u>	
01/08/18	GBC 202	01/08/18	Ứng trước tiền cho doanh nghiệp	112		180.000.000		180.000.000
...
05/12/18	HD 412	05/12/18	Cước vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số 154/HĐKT ICCA-VP cho Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA	511 333	720.154.236 72.015.424		721.461.772 786.520.590	
...
			Cộng số phát sinh		1.213.567.200	1.213.567.200		
			Số dư cuối kỳ				<u>0</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường
Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

Mẫu số S13 - DN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng Đối tượng: Công ty cổ phần thương mại Bình Minh
Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				256.821.856	
...
16/05/18	GBC 192	16/05/18	Công ty cổ phần thương mại Bình Minh thanh toán tiền	112		140.000.000	45.230.000	
...
05/08/18	GBC 209	05/08/18	Công ty cổ phần thương mại Bình Minh ứng tiền	112		72.000.000		72.000.000
...
25/12/18	HD 466	25/12/18	Vận chuyển cho Công ty cổ phần thương mại Bình Minh	511 333	167.598.254 16.759.825		68.882.190 85.642.015	
...
			Cộng số phát sinh		824.655.120	912.522.812		
			Số dư cuối kỳ				168.954.164	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.10: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
04	Cty cổ phần xây lắp Đức Huy	-		113.860.000	113.860.000	-	
	...						
06	Công ty Cổ phần Quốc tế ICCA	-		1.213.567.200	1.213.567.200	-	
	...						
10	Công ty cổ phần thương mại Bình Minh	256.821.856		824.655.120	912.522.812	168.954.164	
	...						
	Cộng	1.581.234.621	300.000.000	21.557.824.310	20.561.992,642	2.687.066.289	410.000.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

a, Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

- Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:

- + Hợp đồng mua bán
- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
- + Các chứng từ liên quan khác.

- Tài khoản sử dụng:

TK 331 – Phải trả người bán. Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

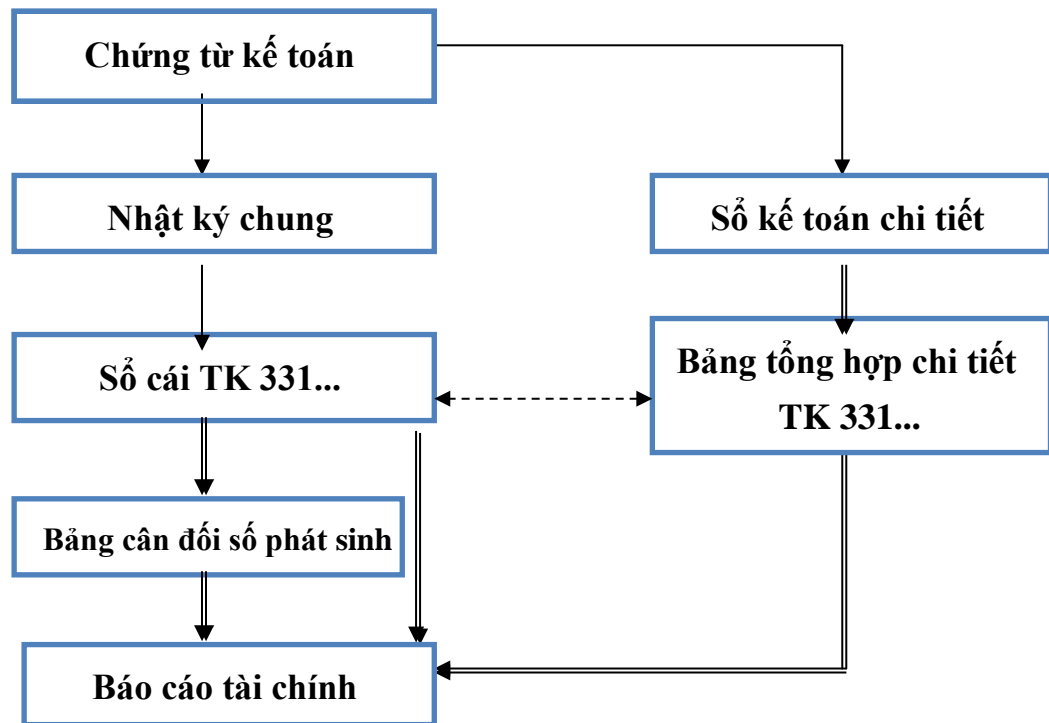
Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331 : Phải trả người bán
- + TK 152 : Nguyên vật liệu
- + TK 153: Công cụ dụng cụ
- + TK 154: Chi phí SXKD dở dang
- + TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- + ...

- Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:

- + Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết phải trả người bán
- + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

b, Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==→ : Ghi định kỳ
- ←- - - -> : Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán và các sổ chi tiết có liên quan. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 153, TK 133,...
- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nợ phải trả người bán. Căn cứ vào số liệu bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331 để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 05/12/2018, công ty mua hàng của Công ty TNHH DV-TM Nhật Cường theo hóa đơn GTGT số 0008209 số tiền 25.225.200 đồng chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0008209 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung; đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ chi tiết TK 153. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 153, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán.

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0008209

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:		
Liên 2: Giao khách hàng			01GTKT3/001		
Ngày 05 tháng 12 năm 2018			Ký hiệu: AB/18P		
			Số: 0008209		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH DV-TM NHẬT CƯỜNG					
Mã số thuế: 0200619301					
Địa chỉ: 112 Đường Hà Nội – Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 62523659					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường					
Mã số thuế: 0 2 0 1 3 0 2 9 7 0					
Địa chỉ: Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP					
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Dầu Diesel	lít	1.200	19.110	22.932.000
Cộng tiền hàng					22.932.000
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT		2.293.200	
Tổng cộng tiền thanh toán					25.225.200
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi một triệu, không trăm hai một nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Ví dụ 2: Ngày 12/12/2018, công ty thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH DV-TM Nhật Cường bằng chuyển khoản, tổng số tiền 68.000.000 đồng.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung; đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Biểu số 2.12: Giấy báo nợ của ngân hàng

	Số: 659
GIẤY BÁO NỢ	Mã GDV: NGADTQT
Ngày: 12/12/2018	Mã KH: 5942534
Kính gửi: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường	
Mã số thuế: 0201027019	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi NỢ : 102010000965918	
Số tiền bằng số: 68.000.000	
Số tiền bằng chữ: Sáu mươi tám triệu đồng chẵn./	
Nội dung: ##Thanh toán tiền nợ cho CÔNG TY TNHH DV-TM NHẬT CƯỜNG##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

Ví dụ 3: Ngày 18/12/2018. Công ty ứng trước tiền hàng cho Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát với số tiền 10.000.000đ, bằng tiền mặt.

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 111.

Căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán vào cuối kỳ.

Biểu số 2.13: Phiếu chi

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập
khẩu Tùng Cường
Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 18 tháng 12 năm 2018

Số 714

Nợ: 331

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Đức Toàn

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Chi tạm ứng tiền mua hàng cho Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát

Số tiền: 10.000.000 (Viết bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn).

Kèm theo 01 chứng từ gốc Giấy đề nghị tạm ứng

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Mười triệu chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Ví dụ 4: Ngày 19/12/2018, công ty mua dầu Diesel của Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát theo hóa đơn GTGT số 0000384, chưa thanh toán với số tiền 85.276.884 đồng

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000384 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ chi tiết TK 154. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 154, TK 133.

Căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán vào cuối kỳ.

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:		
Liên 2: Giao khách hàng			01GTKT3/001		
Ngày 19 tháng 12 năm 2018			Ký hiệu: TM/18P		
			Số: 0000384		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát					
Mã số thuế: 0200706351					
Địa chỉ: Số 52 Tôn Đản P.Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3899562					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường					
Mã số thuế: 0 2 0 1 3 0 2 9 7 0					
Địa chỉ: Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP					
Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Dầu Diezel	lít	4.920	15.575	77.524.440
Cộng tiền hàng					77.524.440
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			7.752.444
Tổng cộng tiền thanh toán					85.276.884
Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Ví dụ 5: Ngày 26/12/2018, công ty thanh toán 72.000.000 đồng cho Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát bằng chuyển khoản.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Biểu số 2.15: Giấy báo nợ của ngân hàng

Số: 712

GIẤY BÁO NỢ Mã GDV: NGADTQT

Ngày: 26/12/2018 Mã KH: 5942534

Kính gửi: **Công ty TNHH Vận tải và
Thương mại xuất nhập khẩu Tùng
Cường**

Mã số thuế: **0201027019**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : **102010000965918**

Số tiền bằng số: **72.000.000**

Số tiền bằng chữ: **Bảy mươi hai triệu đồng chẵn./**

Nội dung: **##Thanh toán tiền cho Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát ##**

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường
Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
...
05/12/18	HD 8209	05/12/18	Mua chịu hàng Công ty TNHH DV-TM Nhật Cường	154 133	331 331	22.932.000 2.293.200
			...			
12/12/18	GBN 659	12/12/18	Thanh toán nợ và ứng trước cho Công ty TNHH DV-TM Nhật Cường	331	112	68.000.000
...
18/12/18	PC 714	18/12/18	Ứng trước tiền cho Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát	331	111	10.000.000
19/12/18	HD 0384	19/12/18	Mua hàng của Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát	154 133	331 331	77.524.440 7.752.444
...
26/12/18	GBN 712	26/12/18	Thanh toán tiền cho Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát	331	112	72.000.000
...
			Cộng phát sinh năm			123.596.569.236

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Trích sổ cái tài khoản 331

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập
khẩu Tùng Cường
Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người bán - Số hiệu: 331

Năm 2018

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<u>2.145.882.500</u>
			...			
05/12/18	HD 8209	05/12/18	Mua hàng của Công ty TNHH TNHH DV-TM Nhật Cường	154 133		22.932.000 2.293.200
			...			
12/12/18	GBN 659	12/12/18	Trả tiền nợ và ứng trước cho Công ty TNHH TNHH DV-TM Nhật Cường	112	68.000.000	
			...			
18/12/18	PC 714	18/12/18	Ứng trước tiền cho Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát	111	10.000.000	
			...			
19/12/18	HD 0384	19/12/18	Mua chịu hàng của Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát	154 133		77.524.440 7.752.444
			...			
26/12/18	GBN 712	26/12/18	Thanh toán tiền cho Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát	112	72.000.000	
			...			
			Cộng phát sinh năm		14.256.829.236	15.269.235.294
			Số dư cuối năm			<u>3.158.288.558</u>

Đơn vị: Đồng Việt Nam
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Biểu số 2.18: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

Mẫu số S13 - DN

Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: CÔNG TY TNHH DV-TM NHẬT CƯỜNG

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					112.730.520
			...					
05/12	HĐ486	05/12	Cty mua hàng chưa thanh toán	154 133		22.932.000 2.293.200		46.560.662 48.471.662
			..					
12/12	GBN659	12/12	Cty trả tiền hàng	112	68.000.000			31.531.997
			..					
			Cộng số phát sinh		484.992.100	428.662.997		
			Số dư cuối kỳ					56.401.418

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường Mẫu số S13 - DN
Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán Đối tượng: Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<u>318.450.000</u>
...
18/12	PC714	18/12	Công ty ứng tiền hàng	111	10.000.000		10.000.000	
			...					
19/12	HĐ384	19/12	Cty mua hàng chưa trả tiền	154 133		77.524.440 7.752.444		129.210.360 136.962.804
...		
26/12	GBN712	26/12	Cty trả tiền hàng	112	72.000.000			54.201.000
...
			Cộng số phát sinh		1.256.994.650	1.112.652.400		
			Số dư cuối kỳ					<u>184.107.750</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp phải trả người bán

**Công ty TNHH Vận tải và
Thương mại xuất nhập khẩu
Tùng Cường**

Số 823 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, HP

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

T T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH DV-TM Nhật Cường		112.730.520	484.992.100	428.662.997		56.401.418
	...						
4	Công ty TNHH TM Gia Minh		5.400.153	58.211.660	80.769.325		27.957.818
	...						
8	Công ty TNHH Thương mại Hưng Hoàng Phát		318.450.000	1.256.994.650	1.112.652.400		184.107.750
	...						
	Cộng	0	2.145.882.500	14.256.829.236	15.269.235.294	0	3.158.288.558

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÙNG CƯỜNG

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.

Kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường trong thời gian vừa qua có cả ưu điểm và nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán thanh toán chính là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế và tìm cách khắc phục những điểm yếu để công tác quản lý tài chính ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý: Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý. Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, đơn giản gọn nhẹ nhưng hiệu quả. Cán bộ kế toán được bố trí hợp lý. Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động kinh doanh.

Về hệ thống chứng từ, tài khoản:

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số TT133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ tài chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

- **Về hình thức kế toán:** Công ty áp dụng theo hình thức sổ “ Nhật ký chung ”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh

doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên.

- **Về hệ thống báo cáo tài chính:** Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- **Công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:**

+ Để tạo được uy tín đối với các nhà cung cấp, công ty thực hiện thanh toán đúng thời hạn hợp đồng kinh tế đã ký kết với người bán.

+ Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tương đối tốt. Công ty đã tiến hành mở sổ chi tiết TK 131 và TK 331 để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán khi có phát sinh các khoản nợ phải thu và phải trả. Điều này giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường còn bộc lộ những hạn chế sau:

+ **Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:** Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi mặc dù thực tế tại Công ty có phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi, thậm chí có cả khoản nợ được xác định là không đòi được. Điều này không phản ánh đúng bản chất tài sản, nguồn vốn của đơn vị, ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai.

+ **Về công tác thu hồi nợ:** Ngoài việc sử dụng các biện pháp gập gở, trao đổi để thu hồi các khoản nợ thì công ty chưa đưa ra biện pháp nào để thúc đẩy thu hồi nợ sớm hơn.

+ **Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:** trong thời kỳ công nghệ thông tin

ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính kinh tế cao. Tuy nhiên hiện nay, công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.

Nền kinh tế thị trường mở ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các doanh nghiệp. Doanh nghiệp nào biết tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức sẽ phát triển. Để hòa nhập với sự phát triển của thế giới, trong những năm gần đây nước ta đã không ngừng đẩy mạnh hoàn thiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam nhằm giảm bớt khoảng cách và sự khác biệt giữa kế toán Việt Nam và kế toán thế giới, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Trước những biến đổi trên, Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường cũng luôn hoàn thiện bộ máy kế toán, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng.

3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.

Công ty luôn tuân thủ, chấp hành các nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán mà Bộ Tài Chính đã ban hành. Đây là hành lang pháp lý để so sánh, đối chiếu cũng như kiểm tra, chỉ đạo cho cán bộ nhân viên phòng kế toán. Các thông tin kế toán được lập nên dựa trên các quy định của Nhà nước sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động của công ty.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán phải đảm bảo cung cấp thông tin kế toán kịp thời, tránh để tình trạng thông tin bị dồn ứ. Điều này là rất quan trọng cho công tác quản lý nội bộ trong chi nhánh, cũng như ảnh hưởng đến các đối tượng bên ngoài có ảnh hưởng trực tiếp tới chi nhánh.

3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có những mặt hạn chế. Vì vậy em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán tại công ty như sau:

➤ **Kiến nghị 1: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Hiện nay, Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được.

Làm được điều này sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC.

- Điều kiện để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc chứng minh, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Các trường hợp xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể không thể đòi được hoặc

chỉ đòi được một phần; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Những khoản nợ quá 3 năm trở lên thì theo quy định được coi như là khoản nợ không có khả năng thu hồi cho doanh nghiệp.

- Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Theo TT 133, thì việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

- Kết cấu của tài khoản 2293 : dự phòng phải thu khó đòi

+ Bên nợ:

- Hoàn nhập giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi

+ Bên có:

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Số dư bên có:

- Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở năm nay lớn hơn số đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở năm nay nhỏ hơn so với năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ. Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112...- Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có 131, 138 :

Ví dụ 3.1: Số tiền cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của công ty xác định được cuối năm 2018 như sau:

Đơn vị: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31/12/2018

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty Cổ Phần Hồng Phúc	37.560.000	1 năm 3 tháng 20 ngày	50%	18.780.000
2	Công ty TNHH Xây dựng Long Thành	82.110.000	8 tháng 15 ngày	30%	27.370.000
...
	Tổng cộng	386.566.234	x	x	120.590.000

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2018 cho khoản nợ quá hạn theo bảng tính ở trên là: 120.590.000 đồng, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 120.590.000

Có TK 229(3) : 120.590.000

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

➤ **Kiến nghị 2: Về việc xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.**

Chiết khấu thanh toán là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đây là một trong những yếu tố cần thiết để doanh nghiệp có thể cạnh tranh với các đối thủ khác.

Mục tiêu: Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Làm được điều này sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán:

- + Công ty có thể tham khảo mức chiết khấu của đơn vị bạn.
- + Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng cổ phần Quân Đội tại ngày 31/12/2018 là 5.8% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 10,6%/năm. Công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán dưới 15 ngày .
- Chiết khấu 0,7%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày
- Chiết khấu 0,8%/tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

Phương pháp hạch toán:

- Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 :Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112:

Làm được điều này sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

➤ **Kiến nghị 3: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán của doanh nghiệp.**

Phần mềm kế toán được phát triển bởi những người làm IT chuyên nghiệp và có sự tư vấn của những người làm kế toán nên dữ liệu kế toán được tổ chức khoa học, có quan hệ ràng buộc chặt chẽ, khắc phục được nhiều hạn chế của việc sử dụng Excel. Việc sử dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp có nhiều ưu điểm: chuyên nghiệp, ít tốn thời gian, chính xác, dễ sử dụng...

Em xin đưa đề xuất một số phần mềm kế toán phổ biến hiện nay:

➤ **Phần mềm kế toán MISA**

MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho mọi doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

- Ưu điểm:

- + Xử lý được hầu hết các nghiệp vụ phát sinh của doanh nghiệp từ quỹ, ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, giá thành, thuế, lương,...Xử lý tốt và ổn định.
 - + Cập nhật rất tốt và nhanh chóng luật, thông tư, nghị định mới nhất ở các phiên bản tiếp theo của phần mềm.
 - + Phiên bản vá lỗi được cập nhật miễn phí
- + Công tác hỗ trợ trực tuyến cho phần mềm khi có lỗi khá nhanh và tốt.

- Nhược điểm:

- + Phân hệ lương không xử lý được hoa hồng của bộ phận bán hàng trực tiếp trên phần mềm.
- + Muốn hạch toán được giá thành trên phần mềm cần phải am hiểu rõ phần mềm.
- + Khi có sự sai sót trong quá trình nhập liệu, sửa xong thì phải tắt đi mở lại mới chạy được.
- + Hệ thống báo cáo của misa không phải là dễ kiểm tra, tiêu biểu là sổ chi tiết khi in hàng loạt sổ thì không có sự phân chi giữa các sổ gây khó khăn cho chi cục thuế hoặc cơ quan kiểm toán khi kiểm tra.

➤ **Phần mềm kế toán 3TSOFT**

Phần mềm kế toán 3Tsoft là phần mềm kế toán đa ngôn ngữ, với các tính năng chính: Kế toán tiền gửi tiền mặt; Kế toán vật tư hàng hóa; Kế toán công trình; Kế toán sản xuất-giá thành; Kế toán tài sản, công cụ, chi phí; Kế toán tổng hợp; Quản lý kho. Được xem như một hệ thống quản lý thông tin kế toán tài chính và cung cấp giải pháp quản lý cho các nghiệp vụ như: kế toán tiền; bán hàng và công nợ phải thu; mua hàng và công nghệ phải trả; quản lý kho; kế toán thuế GTGT; kế toán TSCĐ; kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính,...

Ưu điểm:

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng và tốc độ xử lý nhanh
- Gọn nhẹ, dễ cài đặt, ít tốn tài nguyên
- Đa ngôn ngữ
- Nâng cấp, cập nhật phiên bản mới thường xuyên, hỗ trợ trực tuyến tốt.

Nhược điểm:

- Hay xảy ra lỗi.
- Độ bảo mật chưa cao.

Phần mềm kế toán Fast: Là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng/xây lắp.

Ưu điểm:

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng.
- Luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành.
- Xử lý dữ liệu số liệu một cách nhanh.

Nhược điểm:

- Sự ổn định chưa cao
- Trên phần mềm Fast không có phân hệ lương . Phần lương cần được tính ở excel hoặc phần mềm nhân sự trước khi hạch toán lên phần mềm kế toán Fast.
- Trong phân hệ thuế TNCN cũng cần nhập liệu bằng tay.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công ty có những ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC ngày 26/08/2016.

+ Về công tác kế toán thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

+ Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

+ Công ty chưa áp dụng biện pháp chiết khấu để thu nợ sớm.

+ Công tác ghi chép sổ sách kế toán chưa hiệu quả

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường:

- Công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo để nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

- Kiến nghị về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để thu hồi nợ nhanh.

- Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH Vận tải và Thương mại xuất nhập khẩu Tùng Cường (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.